

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 196x; địa chỉ: Đường P, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 197x; địa chỉ: Đường P, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số x/199x, quyển số I/Px, đăng ký ngày x/x/199x tại Ủy ban nhân dân Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thỏa thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông N và bà T thì cả hai có nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp tính cách, quan điểm sống và suy nghĩ rất khác nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc và rất mệt mỏi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn là không có nên yêu cầu thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là tự nguyện và không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Kiều D – sinh ngày x/x/199x và Nguyễn Kiều K – sinh ngày x/x/200x. Do chị Nguyễn Kiều D đã thành niên và hai bên đương sự không yêu cầu xem xét nên Tòa án không giải quyết. Do cả hai thống nhất giao trẻ K cho bà T nuôi dưỡng và trẻ K cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên ghi nhận. Việc hai bên thỏa thuận tự thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và không trái pháp luật nên được công nhận.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên không xem xét.

- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông N và bà T chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều T thuận tình ly hôn.

1.2/ Về con chung: Con chung tên Nguyễn Kiều D – sinh ngày x/x/199x, đã thành niên và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kiều T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Kiều K – sinh ngày x/x/200x. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thực hiện.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

1.4/ Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều T chịu toàn bộ và được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án do hai bên đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0030821 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- CCTHADS quận Tân Bình;
- UBND P. x, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
(để ghi vào sổ hộ tịch) theo giấy chứng nhận kết hôn số: x/199x,
Quyển số I/P. x đăng ký ngày x/x/199x;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo